



**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư
Dragon Capital Việt Nam**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2021



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thông tin về Công ty

Giấy phép Đầu tư số	01/GPĐT-UBCKNN	ngày 15 tháng 7 năm 2003
Giấy phép Thành lập và Hoạt động số	179/QĐ-UBCK 58/QĐ-UBCK 766/QĐ-UBCK 253/QĐ-UBCK 16/UBCK-GP 45/UBCK-GP 63/UBCK-GP 73/UBCK-GP 79/UBCK-GP 361/QĐ-UBCK 36/GPĐC-UBCK 17/GPĐC-UBCK 06/GPĐC-UBCK 88/GPĐC-UBCK 39/GPĐC-UBCK 76/GPĐC-UBCK	ngày 18 tháng 8 năm 2003 ngày 7 tháng 3 năm 2005 ngày 8 tháng 12 năm 2006 ngày 5 tháng 4 năm 2007 ngày 23 tháng 6 năm 2008 ngày 8 tháng 1 năm 2009 ngày 24 tháng 2 năm 2010 ngày 24 tháng 6 năm 2010 ngày 4 tháng 11 năm 2010 ngày 18 tháng 4 năm 2012 ngày 28 tháng 5 năm 2012 ngày 3 tháng 6 năm 2013 ngày 30 tháng 1 năm 2019 ngày 30 tháng 12 năm 2020 ngày 8 tháng 6 năm 2021 ngày 7 tháng 9 năm 2021

Giấy phép Thành lập và Hoạt động và các giấy phép điều chỉnh do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước Việt Nam cấp và có giá trị trong 50 năm kể từ ngày cấp Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 45/UBCK-GP.

Hội đồng Quản trị	Ông Dominic Timothy Charles Scriven Ông Trần Thanh Tân Ông Beat Schurch Ông Lê Anh Minh Ông Nguyễn Quốc Huân (Johan Nyvene)	Chủ tịch Phó Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên
Ban Giám đốc	Ông Beat Schurch Bà Lương Thị Mỹ Hạnh Ông Trần Lê Minh Ông Nguyễn Minh Đăng Khánh	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 11 tháng 3 năm 2021) Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 11 tháng 3 năm 2021) Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 11 tháng 3 năm 2021)
Ban Kiểm soát	Bà Phan Thị Túy Vân Ông Võ Trần Đình Hiếu Bà Phạm Thị Thanh Thúy	Trưởng Ban Kiểm soát (đến ngày 25 tháng 3 năm 2021) Thành viên (đến ngày 25 tháng 3 năm 2021) Thành viên (đến ngày 25 tháng 3 năm 2021)
Ủy Ban Kiểm toán	Ông Nguyễn Quốc Huân (Johan Nyvene) Ông Lê Anh Minh	Chủ tịch (từ ngày 26 tháng 3 năm 2021) Thành viên (từ ngày 26 tháng 3 năm 2021)

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

Trụ sở đăng ký

Tầng 15, Tòa nhà Mê Linh Point
Số 2 Ngô Đức Kế
Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 6 đến trang 61 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.



Thay mặt Ban Giám đốc

Beat Schurch
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2022



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 25 tháng 3 năm 2022, được trình bày từ trang 6 đến trang 61.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Kết luận của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 21-01-00323-22-1



Nelson Rodriguez Casihan
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thu Hà
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2236-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2022

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B01 – CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	31/12/2020 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 150)	100		740.068.068.751	179.270.802.640
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	102.065.506.096	117.317.339.520
Tiền	111		14.565.506.096	3.317.339.520
Các khoản tương đương tiền	112		87.500.000.000	114.000.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		497.359.327.865	41.441.983.318
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	121	5	497.359.327.865	41.441.983.318
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		128.892.889.263	16.508.320.819
Trả trước cho người bán	132	6	2.757.200.000	-
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134	7	121.170.066.162	12.028.125.304
Phải thu ngắn hạn khác	135	8(a)	4.965.623.101	4.480.195.515
Tài sản ngắn hạn khác	150		11.750.345.527	4.003.158.983
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13(a)	11.750.345.527	4.003.158.983

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B01 – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	31/12/2020 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	200		211.303.653.818	150.301.008.873
Các khoản phải thu dài hạn	210		5.694.597.868	1.106.223.200
Phải thu dài hạn khác	218	8(b)	5.694.597.868	1.106.223.200
Tài sản cố định	220		53.749.448.116	15.137.413.340
Tài sản cố định hữu hình	221	9	11.901.084.938	4.872.643.331
Nguyên giá	222		20.647.482.698	11.769.433.768
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.746.397.760)	(6.896.790.437)
Tài sản cố định vô hình	227	10	8.045.382.289	6.755.510.982
Nguyên giá	228		17.131.690.596	13.687.298.596
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(9.086.308.307)	(6.931.787.614)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	11	33.802.980.889	3.509.259.027
Đầu tư tài chính dài hạn	250		97.390.013.769	130.000.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn khác	258	12	97.390.013.769	130.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		54.469.594.065	4.057.372.333
Chi phí trả trước dài hạn	261	13(b)	20.807.734.221	276.322.229
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	14	33.661.859.844	3.781.050.104
Tài sản dài hạn khác	268	15	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		951.371.722.569	329.571.811.513

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B01 – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	31/12/2020 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		226.582.147.118	19.226.193.255
Nợ ngắn hạn	310		226.582.147.118	19.226.193.255
Phải trả người bán	312	16	5.762.303.805	3.650.789.884
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	59.313.380.921	4.031.177.248
Chi phí phải trả	316	18	158.309.299.218	8.905.250.520
Phải trả ngắn hạn khác	319		3.197.163.174	2.638.975.603
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		724.789.575.451	310.345.618.258
Vốn cổ phần	411	19	311.419.430.000	214.772.030.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		6.963.180.000	(60.690.000.000)
Quỹ dự phòng tài chính	418		25.792.349.257	13.285.180.398
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		17.754.075.939	5.246.907.080
Lợi nhuận chưa phân phối	420		362.860.540.255	137.731.500.780
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		951.371.722.569	329.571.811.513

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B01 – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	31/12/2020 VND
Ngoại tệ các loại	005	20	9.689.338.874	7.466.408
Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	030	21	4.447.867.817	1.266.602.398
- Nhà đầu tư ủy thác trong nước	031		4.447.867.817	822.340.971
- Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	032		-	444.261.427
Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	040	22	160.189.821.013	88.926.163.785
- Nhà đầu tư ủy thác trong nước	041		160.189.821.013	73.566.497.082
- Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	042		-	15.359.666.703
Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	050	23	5.975.305.257	4.376.251.248
Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	051	24	382.580.946	513.534.247

Ngày 25 tháng 3 năm 2022

Người lập:

Ông Nguyễn Hữu Tuấn
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Ông Phạm Thanh Dũng
Kế toán trưởng



Ông Beat Schurch
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B02 – CTQ
 (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh	10	25	877.751.966.089	90.571.658.131
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	17.597.652.542	20.652.318.422
Chi phí tài chính	22	27	373.514.290	14.550.997.388
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	28	463.858.882.781	70.898.673.152
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 10 + 21 - 22 - 25)	30		431.117.221.560	25.774.306.013
Thu nhập khác	31	29	323.006.803	3.000.525.000
Chi phí khác	32	30	117.222.072.201	-
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(116.899.065.398)	3.000.525.000
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		314.218.156.162	28.774.831.013
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	93.955.588.709	3.371.245.328
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	32	(29.880.809.740)	1.119.302.189
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		250.143.377.193	24.284.283.496
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	10.049	1.131

Ngày 25 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Ông Nguyễn Hữu Tuấn
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Ông Phạm Thanh Dũng
Kế toán trưởng



Ông Beat Schurch
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(Phương pháp trực tiếp)

Mẫu B03 – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ và doanh thu khác	01		768.610.025.231	86.385.186.934
Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02		(118.276.982.867)	(29.745.592.434)
Tiền chi trả cho người lao động	03		(156.152.999.916)	(36.798.733.167)
Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	17	(49.536.807.176)	(4.273.720.771)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		3.361.168.240	817.655.492
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(175.108.859.347)	(8.780.731.550)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		272.895.544.165	7.604.064.504
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi để mua sắm tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(45.214.662.792)	(2.889.006.285)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		2.003.000.000	400.000.000
Tiền chi mua các công cụ nợ	23		(220.322.191.448)	(271.123.909.410)
Tiền thu từ thanh lý các công cụ nợ	24		227.461.324.845	230.324.233.182
Tiền chi đầu tư vào cổ phiếu	25		(429.000.000.000)	(3.640.000)
Tiền thu từ thanh lý cổ phiếu	26		-	105.287.753.339
Tiền thu từ lãi và cổ tức	27		12.624.571.806	8.010.434.768
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(452.447.957.589)	70.005.865.594

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(Phương pháp trực tiếp – tiếp theo)

Mẫu B03 – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ việc phát hành cổ phiếu	31		164.300.580.000	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	40		164.300.580.000	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(15.251.833.424)	77.609.930.098
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	4	117.317.339.520	39.707.409.422
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	4	102.065.506.096	117.317.339.520

Ngày 25 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Ông Nguyễn Hữu Tuấn
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Ông Phạm Thanh Dũng
Kế toán trưởng



Ông Beat Schurch
Tổng Giám đốc

Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B05 – CTQ
 (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

	Vốn góp VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	214.772.030.000	(60.690.000.000)	12.070.966.223	4.032.692.905	115.875.645.634	286.061.334.762
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	24.284.283.496	24.284.283.496
Trích lập Quỹ dự phòng tài chính	-	-	1.214.214.175	-	(1.214.214.175)	-
Trích lập Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	1.214.214.175	(1.214.214.175)	-
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	214.772.030.000	(60.690.000.000)	13.285.180.398	5.246.907.080	137.731.500.780	310.345.618.258
Phát hành cổ phiếu	96.647.400.000	67.653.180.000	-	-	-	164.300.580.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	250.143.377.193	250.143.377.193
Trích lập Quỹ dự phòng tài chính	-	-	12.507.168.859	-	(12.507.168.859)	-
Trích lập Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	12.507.168.859	(12.507.168.859)	-
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	311.419.430.000	6.963.180.000	25.792.349.257	17.754.075.939	362.860.540.255	724.789.575.451

Người lập:



Ông Nguyễn Hữu Tuấn
 Kế toán tổng hợp

Ngày 25 tháng 3 năm 2022

Người duyệt:



Ông Beat Schureh
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B09 – CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Đầu tư số 01/GPĐT-UBCKNN do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam (“UBCKNNVN”) cấp ngày 15 tháng 7 năm 2003. Giấy phép Thành lập và Hoạt động và các giấy phép điều chỉnh có giá trị trong 50 năm kể từ ngày 8 tháng 1 năm 2009 là ngày cấp Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 45/UBCK-GP.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, vốn cổ phần của Công ty là 311.419 triệu VND (31/12/2020: 214.772 triệu VND).

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp các dịch vụ quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán.

(c) Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Số lượng nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có 148 nhân viên (31/12/2020: 47 nhân viên) trong đó có 29 nhân viên quản lý cấp cao, 105 nhân viên mới tuyển dụng và 4 nhân viên nghỉ việc (31/12/2020: có 19 nhân viên quản lý cấp cao, 1 nhân viên mới tuyển dụng và 1 nhân viên nghỉ việc).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có 29 nhân viên (31/12/2020: 17 nhân viên) đã được cấp chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ và tài sản.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 (“Thông tư 125”) do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Các chuẩn mực kế toán và các quy định pháp lý có liên quan này có thể khác biệt trên một số khía cạnh trọng yếu so với các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế cũng như các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các quốc gia khác. Do đó, báo cáo tài chính đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình biến động vốn chủ sở hữu và các luồng lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các nước và các quyền tài phán khác ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng báo cáo tài chính này không nhằm dành cho những đối tượng sử dụng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán của Việt Nam áp dụng cho các công ty quản lý quỹ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính này, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp trực tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

(e) Hình thức sổ kế toán

Công ty sử dụng phần mềm kế toán để ghi nhận các giao dịch phát sinh và hình thức sổ kế toán là nhật ký sổ cái.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với kỳ hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày gửi. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản đầu tư dài hạn khác.

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các chứng khoán được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào, bán ra để thu lợi trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin và phí ngân hàng (nếu có). Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán khi giá thực tế trên thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ theo hướng dẫn của Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 (“Thông tư 146”) do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

Đối với chứng khoán niêm yết, chứng khoán đăng ký giao dịch, giá thực tế trên thị trường là giá chứng khoán thực tế tại các Sở Giao dịch chứng khoán của ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng, cụ thể:

- Đối với chứng khoán niêm yết tại các Sở Giao dịch chứng khoán, giá thực tế trên thị trường là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đăng ký giao dịch (cổ phiếu đăng ký giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán của công ty đại chúng chưa được niêm yết (“UPCOM”)), giá thực tế trên thị trường là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng.

Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch, giá thực tế trên thị trường là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng. Trong trường hợp chứng khoán không có giao dịch thực tế phát sinh trong khoảng thời gian trên, Công ty không thực hiện trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh trong trường hợp Công ty không thể xác định giá thực tế trên thị trường của chứng khoán.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được đề cập ở trên sẽ được hoàn nhập khi giá thực tế trên thị trường của chứng khoán tăng lên sau khi khoản dự phòng được ghi nhận. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các chứng chỉ tiền gửi do các tổ chức tín dụng phát hành và trái phiếu doanh nghiệp giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(iii) Đầu tư dài hạn

Khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, khoản đầu tư dài hạn khác được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa trên dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; hoặc người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết hoặc tham khảo tình trạng quá hạn của các khoản phải thu với tỷ lệ trích lập dự phòng như sau:

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Thời gian quá hạn	Tỷ lệ trích lập dự phòng
Từ sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

Tăng/giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ, ngoại trừ trường hợp dự phòng phải thu khó đòi được sử dụng để xóa sổ các khoản nợ đã được trích lập dự phòng và không có khả năng thu hồi. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của các khoản phải thu này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|-----------|
| ▪ thiết bị văn phòng | 3 - 8 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 6 năm |

(f) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 4 đến 8 năm.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

(g) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí cho hệ thống phần mềm máy vi tính chưa được lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình lắp đặt.

(h) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ trên 1 năm đến 3 năm.

(i) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(j) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi người lao động làm việc từ 12 tháng trở lên (“người lao động đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động thì người sử dụng lao động phải trả trợ cấp thôi việc cho người lao động được tính theo năm công tác và bồi thường của nhân viên khi thôi việc. Dự phòng trợ cấp thôi việc được cung cấp dựa trên số năm làm việc của người lao động và mức lương bình quân của họ trong thời gian sáu tháng trước khi kết thúc kỳ kế toán năm. Nhằm xác định số năm làm việc của người lao động, thời gian người lao động tham gia và đóng bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật hiện hành và thời gian Công ty đã trả trợ cấp thôi việc.

(k) Thuế thu nhập

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(l) Vốn cổ phần

Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông, trừ đi các ảnh hưởng của thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) Các quỹ dự trữ bắt buộc

Theo Thông tư 146, Công ty phải trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận sau thuế:

	Số trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn cổ phần
Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn cổ phần

Quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần được dùng để bổ sung vốn cổ phần của Công ty theo quyết định của cổ đông.

Quỹ dự phòng tài chính dùng để bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi đã được bù đắp bằng tiền bồi thường của các tổ chức bảo hiểm hoặc các tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất.

Công ty không được sử dụng quỹ dự phòng tài chính và quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần để chi trả cổ tức. Từ ngày 1 tháng 2 năm 2022, Công ty được phép sử dụng quỹ dự phòng tài chính theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ đông theo quy định của Thông tư 114/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 12 năm 2021.

(n) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(o) Hợp đồng ủy thác đầu tư

Công ty nhận tiền từ khách hàng và sử dụng số tiền này đầu tư vào chứng khoán thay cho khách hàng theo các điều khoản của hợp đồng ủy thác đầu tư. Khoản đầu tư vào chứng khoán thay cho khách hàng theo hợp đồng ủy thác đầu tư và các tài sản và nợ phải trả liên quan đến các hợp đồng này được ghi nhận trong các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 125.

(p) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Phí tư vấn đầu tư chứng khoán, phí quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, danh mục đầu tư chứng khoán và quỹ hưu trí, phí mua lại và phí phát hành chứng chỉ quỹ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

(iii) Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi Công ty nhận được Thông báo khớp lệnh cho các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán (đối với chứng khoán niêm yết) và thỏa thuận chuyển nhượng tài sản đã được hoàn tất (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức của Công ty được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính.

(q) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(r) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

(s) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới các nhà đầu tư và công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và các công ty liên kết của các công ty này. Các bên liên quan cũng bao gồm các quỹ do Công ty quản lý.

(t) Số dư bằng không

Các khoản mục hay các số dư quy định trong Thông tư 125 nếu không được thể hiện trên báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

(u) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong các báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng các số liệu tương ứng. Theo phương pháp này, thông tin so sánh cho năm trước được bao gồm như một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính năm hiện tại và chỉ nhằm mục đích đọc liên quan đến các số liệu và các thuyết minh khác liên quan đến năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong các báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động hoặc dòng tiền của năm trước.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2021	31/12/2020
	VND	VND
Tiền mặt	210.590.095	135.923.687
Tiền gửi ngân hàng	14.354.916.001	3.181.415.833
Các khoản tương đương tiền (*)	87.500.000.000	114.000.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ	<u>102.065.506.096</u>	<u>117.317.339.520</u>

(*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng bằng VND với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng và được hưởng lãi suất năm từ 3,20% đến 3,80% (31/12/2020: từ 3,20% đến 3,90%).

5. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2021	31/12/2020
	VND	VND
Chứng khoán kinh doanh (a)	444.655.640.000	15.655.640.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (b)	52.703.687.865	25.786.343.318
	<u>497.359.327.865</u>	<u>41.441.983.318</u>

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

(a) Chứng khoán kinh doanh	31/12/2021			31/12/2020				
	Số lượng	Giá gốc VND	Giá thị trường VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá thị trường VND	Dự phòng giảm giá VND
Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết								
▪ DCIP(*)	26.713.848	249.000.000.000	258.146.868.511	-	-	-	-	-
▪ DCBF(**)	8.274.112	180.000.000.000	184.335.968.806	-	-	-	-	-
Cổ phiếu chưa niêm yết								
▪ THA	655.200	15.655.640.000	20.966.400.000	-	655.200	15.655.640.000	17.690.400.000	-
		444.655.640.000	463.449.237.317			15.655.640.000	17.690.400.000	-

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty nắm giữ lần lượt 95% (31/12/2020: 0%) và 22% (31/12/2020: 0%) tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của DCIP và DCBF.

Công ty không tham gia vào các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động hàng ngày của công ty được Công ty đầu tư. Theo đó, Công ty không có ý định kiểm soát hay có ảnh hưởng đáng kể đến công ty được đầu tư mà chỉ nắm giữ cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn. Do đó, các khoản đầu tư của Công ty được ghi nhận như chứng khoán kinh doanh theo chính sách kế toán được trình bày ở Thuyết minh 3(c), thay vì được hợp nhất hay ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số lượng	Giá gốc/ Giá trị ghi sổ 31/12/2021 VND	Số lượng	Giá gốc/ Giá trị ghi sổ 31/12/2020 VND
Trái phiếu chưa niêm yết	-	-	260	25.786.343.318
Chứng chỉ tiền gửi	20.032	52.703.687.865	-	-
	20.032	52.703.687.865	260	25.786.343.318

Đầu tư vào chứng chỉ tiền gửi có thời hạn còn lại dưới 12 tháng và được hưởng lãi suất từ 7,825% đến 8% mỗi năm.

6. Các khoản trả trước cho người bán

	31/12/2021 VND	31/12/2020 VND
Công ty TNHH Du lịch Sinh thái biển Bãi Bắc	1.868.200.000	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Zunik	700.000.000	-
Công ty Cổ phần Giải pháp Phần mềm Tài chính	189.000.000	-
	2.757.200.000	-

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

7. Phải thu hoạt động nghiệp vụ

	31/12/2021	31/12/2020
	VND	VND
Phải thu từ hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán - các bên liên quan (Thuyết minh 32) (*)	95.394.702.275	-
▪ Dragon Capital Management (HK) Limited	95.394.702.275	-
Phải thu hoạt động quản lý quỹ - các bên liên quan (Thuyết minh 32) (*):	25.392.782.941	11.518.941.343
▪ FUEVFNVD - Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND	9.181.043.402	2.974.769.149
▪ E1VFN30 - Quỹ ETF DCVFMVN30	5.878.807.231	3.919.072.787
▪ VFMVSF - Quỹ đầu tư Cổ phiếu Việt Nam Chọn lọc	3.390.192.577	1.774.754.218
▪ DCDS - Quỹ đầu tư Chứng khoán Năng động DC	4.113.975.181	945.051.941
▪ DCBF - Quỹ đầu tư Trái phiếu DC	1.468.389.827	908.681.562
▪ DCBC - Quỹ đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu	1.024.822.584	991.444.944
▪ DCIP - Quỹ đầu tư Trái phiếu Gia tăng Thu nhập Cổ định DC	282.222.878	5.166.742
▪ PHUCAN - Quỹ Hưu Trí Bổ Sung Tự nguyện Phúc An	22.316.506	-
▪ THINHAN - Quỹ Hưu Trí Bổ Sung Tự nguyện Thịnh An	20.942.669	-
▪ VINHAN - Quỹ Hưu Trí Bổ Sung Tự nguyện Vĩnh An	10.070.086	-
Phải thu từ hoạt động quản lý danh mục đầu tư:	382.580.946	509.183.961
▪ Các nhà đầu tư ủy thác trong nước	382.580.946	152.514.461
▪ Các nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	-	356.669.500
	121.170.066.162	12.028.125.304

(*) Các khoản phải thu từ các bên liên quan về hoạt động tư vấn và quản lý không có bảo đảm, không tính lãi và có thể thu theo yêu cầu.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

8. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2021	31/12/2020
	VND	VND
Lãi phải thu từ chứng chỉ tiền gửi	4.439.638.356	252.410.959
Lãi phải thu từ tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	97.753.425	60.964.381
Lãi phải thu từ trái phiếu doanh nghiệp	96.213.324	3.775.013.699
Tạm ứng cho nhân viên	-	391.806.476
Phải thu khác	332.017.996	-
	<hr/>	<hr/>
	4.965.623.101	4.480.195.515

(b) Phải thu dài hạn khác

	31/12/2021	31/12/2020
	VND	VND
Đặt cọc thuê văn phòng	4.666.872.450	1.101.223.200
Đặt cọc thuê nhà	871.205.418	-
Phải thu khác	156.520.000	5.000.000
	<hr/>	<hr/>
	5.694.597.868	1.106.223.200

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

9. Tài sản cố định hữu hình

2021	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	9.170.933.768	2.598.500.000	11.769.433.768
Tăng trong năm	1.994.976.030	9.481.572.900	11.476.548.930
Thanh lý	-	(2.598.500.000)	(2.598.500.000)
Số dư cuối năm	11.165.909.798	9.481.572.900	20.647.482.698
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	6.499.797.381	396.993.056	6.896.790.437
Khấu hao trong năm	1.061.403.766	1.293.467.446	2.354.871.212
Thanh lý	-	(505.263.889)	(505.263.889)
Số dư cuối năm	7.561.201.147	1.185.196.613	8.746.397.760
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	2.671.136.387	2.201.506.944	4.872.643.331
Số dư cuối năm	3.604.708.651	8.296.376.287	11.901.084.938



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

9. Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

2020	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	12.475.228.523	1.137.759.664	13.612.988.187
Tăng trong năm	1.086.292.300	2.598.500.000	3.684.792.300
Xóa sổ	(4.390.587.055)	-	(4.390.587.055)
Thanh lý	-	(1.137.759.664)	(1.137.759.664)
Số dư cuối năm	9.170.933.768	2.598.500.000	11.769.433.768
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	9.698.379.467	1.137.759.664	10.836.139.131
Khấu hao trong năm	1.192.034.718	396.993.056	1.589.027.774
Xóa sổ	(4.390.616.804)	-	(4.390.616.804)
Thanh lý	-	(1.137.759.664)	(1.137.759.664)
Số dư cuối năm	6.499.797.381	396.993.056	6.896.790.437
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	2.776.849.056	-	2.776.849.056
Số dư cuối năm	2.671.136.387	2.201.506.944	4.872.643.331

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá là 5.652.239.118 VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (31/12/2020: 5.130.670.818 VND) đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính	
	2021	2020
	VND	VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	13.687.298.596	14.483.084.611
Tăng trong năm	1.033.000.000	197.546.875
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 11)	2.411.392.000	455.686.875
Xóa sổ	-	(1.449.019.765)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	17.131.690.596	13.687.298.596
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	6.931.787.614	6.470.513.491
Khấu hao trong năm	2.154.520.693	1.910.293.888
Xóa sổ	-	(1.449.019.765)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	9.086.308.307	6.931.787.614
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	6.755.510.982	8.012.571.120
Số dư cuối năm	8.045.382.289	6.755.510.982
	<hr/>	<hr/>

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá là 2.610.318.046 VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (31/12/2020: 2.502.818.046 VND) đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2021	2020
	VND	VND
Số dư đầu năm	3.509.259.027	91.000.000
Tăng trong năm	32.705.113.862	3.873.945.902
Chuyển sang tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 10)	(2.411.392.000)	(455.686.875)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	33.802.980.889	3.509.259.027

Chi tiết của chi phí xây dựng cơ bản dở dang như sau:

	31/12/2021	31/12/2020
	VND	VND
Phần mềm quản lý đầu tư	25.747.543.690	3.509.259.027
Phần mềm giao dịch đầu tư	4.550.936.600	-
Phần mềm quản lý dữ liệu doanh nghiệp	1.248.709.737	-
Khác	2.255.790.682	-
	<hr/>	<hr/>
	33.802.980.889	3.509.259.027

12. Đầu tư tài chính dài hạn

	Giá gốc/Giá trị ghi sổ	Giá gốc/Giá trị ghi sổ
	31/12/2021	31/12/2020
	VND	VND
<i>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>		
Chứng chỉ tiền gửi (i)		
▪ Công ty TNHH MTV Tài chính Home Credit Việt Nam	50.415.655.539	30.000.000.000
Trái phiếu niêm yết (ii)		
▪ Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Thành phố Kinh Bắc	46.974.358.230	30.000.000.000
Trái phiếu chưa niêm yết		
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	-	70.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	97.390.013.769	130.000.000.000

- (i) Các khoản đầu tư vào chứng chỉ tiền gửi sẽ đáo hạn vào ngày 26 tháng 1 năm 2024 và được hưởng lãi suất 8,30% mỗi năm (31/12/2020: đáo hạn vào ngày 24 tháng 11 năm 2023 và được hưởng lãi suất 8,3% mỗi năm).
- (ii) Các khoản đầu tư vào trái phiếu niêm yết sẽ đáo hạn vào ngày 24 tháng 6 năm 2023 và nhận lãi suất 10,80% mỗi năm (31/12/2020: đáo hạn vào ngày 28 tháng 1 năm 2022 và được hưởng lãi suất 11,00% mỗi năm).

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

13. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2021	31/12/2020
	VND	VND
Chi phí thuê	9.628.811.606	3.196.331.034
Chi phí bảo hiểm	449.723.832	353.259.821
Chi phí trả trước khác	1.671.810.089	453.568.128
	11.750.345.527	4.003.158.983

(b) Chi phí trả trước dài hạn

2021	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí cải tạo văn phòng VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	276.322.229	-	276.322.229
Tăng trong năm	4.693.024.149	19.063.400.967	23.756.425.116
Phân bổ trong năm	(767.076.913)	(2.457.936.211)	(3.225.013.124)
Số dư cuối năm	4.202.269.465	16.605.464.756	20.807.734.221
2020			Công cụ và dụng cụ VND
Số dư đầu năm			919.826.108
Tăng trong năm			203.631.483
Phân bổ trong năm			(847.135.362)
Số dư cuối năm			276.322.229

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận

	Thuế suất	31/12/2021 VND	31/12/2020 VND
<i>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho:</i>			
Chi phí phải trả và dự phòng	20%	33.661.859.844	3.781.050.104

15. Tài sản dài hạn khác

Tài sản dài hạn khác có số tiền là 10 tỷ VND liên quan đến việc chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ ngày 19 tháng 1 năm 2018 giữa Công ty và Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Việt Nam (“VFMVF2”).

Theo đó, Công ty nhận chuyển giao từ VFMVF2 quyền và nghĩa vụ liên quan đến Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh số 2407/HĐKT-M&C mà VFMVF2 đã ký với Công ty Cổ phần M&C (“M&C”) vào ngày 8 tháng 11 năm 2007 (“Hợp đồng 2407”) về việc cùng đầu tư xây dựng Dự án Cao ốc Sài Gòn M&C ở tại số 34 Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (“Dự án”) do Công ty Cổ phần Sài Gòn One Tower (trước đây là Công ty Cổ phần Địa Ốc Sài Gòn M&C - là công ty con của Công ty Cổ phần M&C tại ngày ký Hợp đồng 2407) là chủ đầu tư.

Theo Hợp đồng 2407, VFMVF2 góp vốn đầu tư xây dựng Dự án bằng tiền để nhận lại kết quả đầu tư là diện tích sàn căn hộ dự án sau khi Dự án được hoàn tất. Dự án đã tạm ngưng thi công từ năm 2011 và đang được Công ty TNHH Một thành viên Quản lý tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam (“VAMC”) thu giữ nhằm mục đích xử lý, thu hồi nợ của các tổ chức có liên quan. Theo đó, Công ty không ghi nhận phần chia phát sinh từ hoạt động đồng kiểm soát tài sản theo Hợp đồng 2407.

Theo Nghị quyết số 06/VF2-2017/NQĐH của Đại hội Nhà đầu tư thường niên của VFMVF2 ngày 14 tháng 12 năm 2017, sau khi giải thể VFMVF2, Công ty sẽ thực hiện các thủ tục khởi kiện M&C ra tòa án do vi phạm hợp đồng hoặc chuyển nhượng lại tài sản này cho bên thứ ba. Trong trường hợp số tiền thanh toán từ bên thứ ba hoặc khoản tiền bồi thường mà Công ty nhận được từ M&C cao hơn 10.000 triệu VND, Công ty sẽ chi trả phần chênh lệch cho các thành viên góp vốn của VFMVF2 theo tỷ lệ sở hữu của mỗi thành viên này sau khi trừ đi chi phí chuyển nhượng, khởi kiện hoặc thu hồi.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty đã đánh giá và trích lập 100% dự phòng đối với tài sản này (31/12/2020: 100%).

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
 (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

16. Phải trả người bán

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	31/12/2021		31/12/2020	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
GoldenSource Corporation	3.067.193.070	3.067.193.070	-	-
Shoreline Consulting Pte. Ltd	1.418.723.468	1.418.723.468	3.509.259.027	3.509.259.027
Các nhà cung cấp khác	1.276.387.267	1.276.387.267	141.530.857	141.530.857
	5.762.303.805	5.762.303.805	3.650.789.884	3.650.789.884

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2020 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp/cán trừ trong năm VND	31/12/2021 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.924.601.056	93.955.588.709	(49.536.807.176)	47.343.382.589
Thuế thu nhập cá nhân	1.105.597.434	55.749.398.202	(45.071.631.089)	11.783.364.547
Thuế nhà thầu nước ngoài	11.526.802	3.524.830.061	(3.339.175.034)	197.181.829
Thuế giá trị gia tăng	-	3.749.437.152	(3.749.437.152)	-
Các loại thuế khác	(10.548.044)	1.196.204.467	(1.196.204.467)	(10.548.044)
	4.031.177.248	158.175.458.591	(102.893.254.918)	59.313.380.921

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

18. Chi phí phải trả

	31/12/2021 VND	31/12/2020 VND
Tiền thưởng theo thành tích	148.113.591.301	5.510.322.393
Phí tư vấn	2.206.850.000	2.206.850.000
Thưởng hiệu suất	-	349.077.656
Phí đại lý	4.082.869.976	337.300.471
Phí giới thiệu	2.465.590.661	67.200.000
Chi phí khác	1.440.397.280	434.500.000
	158.309.299.218	8.905.250.520

19. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần đã được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2021		31/12/2020	
	Số cổ phiếu	Mệnh giá VND	Số cổ phiếu	Mệnh giá VND
Vốn cổ phần được duyệt	31.141.943	311.419.430.000	21.477.203	214.772.030.000
Vốn cổ phần đã phát hành – Cổ phiếu phổ thông	31.141.943	311.419.430.000	21.477.203	214.772.030.000

Cơ cấu cổ đông tại ngày 31 tháng 12 năm 2021:

	31/12/2021		
	Số cổ phiếu	Mệnh giá VND	Phần trăm vốn chủ sở hữu (%)
Cổ phiếu đang lưu hành – Cổ phiếu phổ thông			
Các cổ đông đang nắm giữ:			
▪ Công ty TNHH Dragon Capital Management (HK)	15.534.602	155.346.020.000	49,88
▪ Công ty TNHH Dragon Capital Markets (Europe)	14.977.341	149.773.410.000	48,09
▪ Nhân viên công ty	630.000	6.300.000.000	2,03
	31.141.943	311.419.430.000	100,00

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Cơ cấu cổ đông tại ngày 31 tháng 12 năm 2020:

	31/12/2020		Phần trăm vốn chủ sở hữu (%)
Số cổ phiếu	Mệnh giá VND		
Cổ phiếu đang lưu hành – Cổ phiếu phổ thông			
Các cổ đông đang nắm giữ:			
▪ Công ty TNHH Dragon Capital Management (HK)	10.713.519	107.135.190.000	49,88
▪ Công ty TNHH Dragon Capital Markets (Europe)	10.133.684	101.336.840.000	47,18
▪ Các cá nhân khác	420.000	4.200.000.000	1,96
▪ Nhân viên của Công ty	210.000	2.100.000.000	0,98
	21.477.203	214.772.030.000	100,00

Công ty TNHH Dragon Capital Markets (Europe) và Công ty TNHH Dragon Capital Management (HK) được thành lập lần lượt tại Vương quốc Anh và Hồng Kông.

Tất cả các cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu có quyền biểu quyết một lần tại các cuộc họp của các cổ đông của Công ty. Cổ đông được nhận cổ tức theo công bố tùy từng thời điểm. Tất cả các cổ phiếu phổ thông được xếp hạng như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2021		2020	
	Number of shares	VND	Number of shares	VND
Số dư đầu năm	21.477.203	214.772.030.000	21.477.203	214.772.030.000
Cổ phiếu phát hành trong năm	9.664.740	96.647.400.000	-	-
Số dư cuối năm	31.141.943	311.419.430.000	21.477.203	214.772.030.000

Theo Nghị quyết số 12.21/ĐHCD-DCVFM ngày 30 tháng 7 năm 2021 của Đại Hội Đồng Cổ đông, các cổ đông đã chấp thuận việc tăng vốn cổ phần thông qua việc phát hành 9.664.740 cổ phiếu phổ thông theo hình thức chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Ngày 25 tháng 8 năm 2021, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã ban hành Công văn số 4868/UBCK-QLQ về việc tiếp nhận hồ sơ báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu. Ngày 7 tháng 9 năm 2021, Công ty nhận được Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 76/GPĐC-UBCK với số vốn cổ phần là 311.419.430.000 VND.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

20. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2021	31/12/2020
	VND	VND
Trong vòng một năm	21.512.643.099	1.741.656.000
Trong vòng hai đến năm năm	33.974.819.740	-
	55.487.462.839	1.741.656.000

(b) Ngoại tệ

	31/12/2021		31/12/2020	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	428.163	9.689.338.874	322	7.466.408

21. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác

Bao gồm trong tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác có các khoản tiền gửi ngân hàng của các nhà đầu tư ủy thác sau:

	31/12/2021	31/12/2020
	VND	VND
Các nhà đầu tư ủy thác trong nước		
Nhà đầu tư đứng tên		
D003 (ii)	4.421.719.864	745.915.531
D002 (i)	26.147.953	76.425.440
	4.447.867.817	822.340.971
Các nhà đầu tư ủy thác nước ngoài		
DCVFM đứng tên		
F001 (iii)	-	444.261.427
	-	444.261.427
	4.447.867.817	1.266.602.398

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Chi tiết biến động tiền gửi ngân hàng trong năm của các nhà đầu tư ủy thác như sau:

(i) D002

	2021	2020
	VND	VND
Số dư đầu năm	76.425.440	724.956.267
Tăng trong năm	143.882.265.196	78.568.948.868
<i>Nhận tiền từ bán chứng chỉ tiền gửi</i>	-	7.000.000.000
<i>Nhận tiền từ nhà đầu tư ủy thác</i>	11.069.107.200	8.802.140.500
<i>Thu nhập lãi nhận được</i>	4.953.652.572	3.065.023.688
<i>Nhận tiền từ bán chứng khoán</i>	46.558.762.924	3.200.959.680
<i>Nhận tiền từ rút tiền gửi có kỳ hạn</i>	70.300.000.000	56.500.000.000
<i>Tăng khác</i>	11.000.742.500	825.000
Giảm trong năm	(143.932.542.683)	(79.217.479.695)
<i>Gửi tiền có kỳ hạn</i>	(67.600.000.000)	(61.200.000.000)
<i>Thanh toán mua chứng khoán</i>	(61.703.092.063)	(17.258.495.438)
<i>Giảm khác</i>	(14.629.450.620)	(758.984.257)
Số dư cuối năm	26.147.953	76.425.440

(ii) D003

	2021	2020
	VND	VND
Số dư đầu năm	745.915.531	541.678.669
Tăng trong năm	141.666.575.209	24.485.006.362
<i>Nhận tiền từ rút tiền gửi có kỳ hạn</i>	16.700.000.000	7.700.000.000
<i>Nhận tiền từ nhà đầu tư ủy thác</i>	71.976.212.100	12.118.838.900
<i>Nhận tiền từ bán chứng chỉ tiền gửi</i>	-	4.386.881.841
<i>Nhận tiền từ bán chứng khoán</i>	52.389.032.467	-
<i>Tăng khác</i>	601.330.642	279.285.621
Giảm trong năm	(137.990.770.876)	(24.280.769.500)
<i>Thanh toán mua chứng khoán</i>	(116.992.339.918)	(15.158.713.790)
<i>Gửi tiền có kỳ hạn</i>	(17.300.000.000)	(8.600.000.000)
<i>Giảm khác</i>	(3.698.430.958)	(522.055.710)
Số dư cuối năm	4.421.719.864	745.915.531



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

(iii) F001

	2021	2020
	VND	VND
Số dư đầu năm	444.261.427	467.772.679
Tăng trong năm	711.172	922.887
<i>Nhận tiền từ nhà đầu tư ủy thác</i>	-	-
<i>Tăng khác</i>	711.172	922.887
Giảm trong năm	(444.972.599)	(24.434.139)
<i>Phí quản lý</i>	(415.572.667)	-
<i>Thanh lý và hoàn trả tiền cho nhà đầu tư</i>	(19.213.438)	-
<i>Giảm khác</i>	(10.186.494)	(24.434.139)
Số dư cuối năm	-	444.261.427

22. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác

	31/12/2021	31/12/2020
	VND	VND
Các nhà đầu tư ủy thác trong nước	160.189.821.013	73.566.497.082
Danh mục do nhà đầu tư đứng tên		
Cổ phiếu niêm yết	92.847.934.153	21.332.133.043
Trái phiếu chưa niêm yết	45.459.351.370	11.845.618.726
Trái phiếu niêm yết	11.877.532.202	16.788.745.313
Tiền gửi có kỳ hạn	7.000.000.000	9.100.000.000
Chứng chỉ tiền gửi	3.005.003.288	14.500.000.000
Các nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	-	15.359.666.703
Danh mục do Công ty đứng tên		
Cổ phiếu chưa niêm yết	-	15.359.666.703
	160.189.821.013	88.926.163.785

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Chi tiết danh mục đầu tư nắm giữ hộ nhà đầu tư ủy thác như sau:

Mã số	Số lượng	31/12/2021		31/12/2020		Dự phòng giảm giá VND	Giá thị trường VND	Dự phòng giảm giá VND
		Giá gốc VND	Giá thị trường VND	Giá gốc VND	Giá thị trường VND			
Cổ phiếu niêm yết								
Danh mục đầu tư do nhà đầu tư đứng tên								
▪ Công ty cổ phần Đầu tư Thế giới Di động	MWG	75.000	7.887.820.579	10.192.500.000	-	-	1.426.800.000	-
▪ Công ty Cổ phần FPT	FPT	65.000	3.902.595.220	6.045.000.000	-	-	2.304.900.000	-
▪ Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	TCB	100.000	4.251.466.663	5.000.000.000	-	-	630.000.000	-
▪ Công ty cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	HPG	100.050	3.474.382.590	4.642.320.000	-	-	2.694.250.000	-
▪ Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc	KBC	75.000	2.780.175.927	4.560.000.000	-	-	312.320.000	-
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long	NLG	50.004	3.030.615.124	3.210.256.800	-	-	315.768.000	-
▪ Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội	MBB	100.002	2.483.903.896	2.890.057.800	-	-	259.256.000	-
▪ Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận	PNJ	25.000	2.557.841.969	2.405.000.000	(152.841.969)	-	891.000.000	-
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	ACB	31.250	558.970.360	1.078.125.000	-	-	702.500.000	-
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	CTG	42	1.249.505	1.423.800	-	-	1.140.150.000	-
▪ Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	BID	-	-	-	-	-	1.916.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương	KSB	-	-	-	-	-	1.079.500.000	-
▪ Tổng Công ty Khí Việt Nam	GAS	-	-	-	-	-	606.200.000	-
▪ Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam	ACV	-	-	-	-	-	486.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh nhà Khang Điền	KDH	-	-	-	-	-	351.600.000	-

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

	31/12/2021					31/12/2020				
	Mã số	Số lượng	Giá gốc VND	Giá thị trường VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá thị trường VND	Dự phòng giảm giá VND	
Cổ phiếu niêm yết (tiếp theo)										
▪ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPB	220.097	6.850.377.321	7.879.472.600	-	20.000	514.602.742	650.000.000	-	
▪ Ngân hàng TMCP Tiên Phong	TPB	148.500	4.502.328.883	6.095.925.000	-	-	-	-	-	
▪ Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT	VND	65.000	2.941.182.965	5.330.000.000	-	-	-	-	-	
▪ Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	SSI	100.000	3.595.210.837	5.180.000.000	-	10.000	294.606.080	331.000.000	-	
▪ Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần	VIC	50.000	5.172.803.190	4.755.000.000	(417.803.190)	5.000	559.381.233	541.000.000	(18.381.233)	
▪ Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt	VCI	60.000	4.060.849.810	4.368.000.000	-	-	-	-	-	
▪ Ngân hàng thương mại cổ phần Phương Đông	OCB	150.000	4.078.699.662	4.095.000.000	-	-	-	-	-	
▪ Ngân hàng thương mại cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	HDB	130.000	4.070.319.248	4.010.500.000	(59.819.248)	-	-	-	-	
▪ Công ty Cổ phần Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh	DXS	100.000	3.094.344.410	3.730.000.000	-	-	-	-	-	
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín	STB	110.000	3.168.171.550	3.465.000.000	-	-	-	-	-	
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	TCH	120.000	2.957.955.287	3.294.000.000	-	-	-	-	-	
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô	HDG	48.000	3.019.802.920	3.192.000.000	-	-	-	-	-	
▪ Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn	VHC	50.000	2.736.242.907	3.140.000.000	-	14.000	529.236.249	579.600.000	-	
▪ Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	SSB	60.000	2.599.843.924	2.736.000.000	-	-	-	-	-	
▪ Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam	VCB	31.900	2.297.744.674	2.513.720.000	-	25.000	2.106.661.994	2.447.500.000	-	
▪ Công ty Cổ phần Thế giới số	DGW	20.000	2.684.243.207	2.478.000.000	(206.243.207)	-	-	-	-	
▪ Công ty Cổ phần Vinhomes	VHM	30.000	2.507.215.191	2.460.000.000	(47.215.191)	12.000	998.940.354	1.074.000.000	-	
▪ Công ty Cổ phần Vinhomes	NVL	26.205	1.572.605.038	2.384.655.000	-	-	-	-	-	
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	PTB	61	4.242.529	6.039.000	-	3.000	185.513.828	184.800.000	(713.828)	
▪ Công ty Cổ phần Phú Tài	HDC	50	1.793.449	4.750.000	-	4.000	142.298.122	147.800.000	-	
▪ Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Bà Rịa - Vũng Tàu	DHC	50	2.935.318	4.450.000	-	4.000	173.389.217	243.600.000	-	
▪ Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre	PHR	-	-	-	-	11.000	628.240.884	693.000.000	-	
▪ Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa	REE	-	-	-	-	12.000	493.511.171	587.400.000	-	
▪ Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	VNM	-	-	-	-	4.700	483.600.014	511.360.000	-	
▪ Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	VTP	-	-	-	-	5.003	470.528.644	542.825.500	-	
▪ Tổng Công ty cổ phần Bưu chính Viettel	VRE	-	-	-	-	12.000	373.306.992	376.800.000	-	
▪ Công ty Cổ phần Vincom Retail	NTC	-	-	-	-	1.450	307.219.808	415.570.000	-	
▪ Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Nam Tân Uyên		-	-	-	-	-	-	-	-	

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

	31/12/2021				31/12/2020				
	Mã số	Số lượng	Giá gốc VND	Giá thị trường VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá thị trường VND	Dự phòng giảm giá VND
Cổ phiếu niêm yết (tiếp theo)									
▪ Công ty cổ phần Sonadezi Châu Đức	SZC	-	-	-	-	11.000	268.678.184	352.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần Long Hậu	LHG	-	-	-	-	7.000	245.517.725	240.100.000	(5.417.725)
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen	HSG	-	-	-	-	10.000	228.091.625	221.500.000	(6.591.625)
▪ Công ty Cổ phần Tập Đoàn Sao Mai	ASM	-	-	-	-	8.000	124.343.674	135.200.000	-
Cổ phiếu chưa niêm yết									
Danh mục đầu tư do Công ty đứng tên									
▪ Công ty Cổ phần Vexere	Vexere	-	-	-	-	2.368	8.696.553.037	Chưa xác định	Chưa xác định
▪ Công ty Cổ phần Tiki	Tiki	-	-	-	-	696.557	6.663.113.666	Chưa xác định	Chưa xác định
Trái phiếu niêm yết									
Danh mục đầu tư do nhà đầu tư đứng tên									
▪ Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc	KBC121020	80.000	8.090.707.275	8.253.216.000	-	-	-	-	-
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn MaSan	MSNH2023056	37.552	3.786.824.927	3.786.824.943	-	-	-	-	-
▪ Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	SCR11816	-	-	-	-	75.000	7.663.648.706	7.663.648.725	-
▪ CTCP Tài Nguyên Mạsan	MSR11800	-	-	-	-	70.000	7.125.096.607	7.096.182.870	(28.913.737)
▪ Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc	KBC120069	-	-	-	-	20.000	2.000.000.000	2.000.000.000	-



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

s	Mã số	Số lượng	31/12/2021			31/12/2020		
			Giá gốc VND	Giá thị trường VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá gốc VND	Giá thị trường VND	Dự phòng giảm giá VND
Trái phiếu chưa niêm yết								
Danh mục đầu tư do nhà đầu tư đứng tên								
	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng kỹ thuật TP Hồ Chí Minh	50.000	5.000.000.000	Chưa xác định	Chưa xác định	90	8.845.618.726	Chưa xác định
	Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt	8.500	8.500.000.000	Chưa xác định	Chưa xác định	3.000	3.000.000.000	Chưa xác định
	Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh nhà Khang Điền	10	9.969.247.534	Chưa xác định	Chưa xác định	-	-	-
	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh	100	10.000.000.000	Chưa xác định	Chưa xác định	-	-	-
	Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt	90	8.990.103.836	Chưa xác định	Chưa xác định	-	-	-
	Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt	30	3.000.000.000	Chưa xác định	Chưa xác định	-	-	Chưa xác định
Tiền gửi có kỳ hạn								
Danh mục đầu tư do nhà đầu tư đứng tên								
	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	5	2.400.000.000	Chưa xác định	Chưa xác định	12	5.400.000.000	Chưa xác định
	Ngân hàng TMCP Á châu	5	2.000.000.000	Chưa xác định	Chưa xác định	3	3.000.000.000	Chưa xác định
	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	3	2.600.000.000	Chưa xác định	Chưa xác định	1	700.000.000	Chưa xác định
Chứng chỉ tiền gửi								
Danh mục đầu tư do nhà đầu tư đứng tên								
	Công ty tài chính TNHH MTV Home Credit Việt Nam	3	3.005.003.288	Chưa xác định	Chưa xác định	7	7.000.000.000	Chưa xác định
	Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	-	-	-	-	7.500	7.500.000.000	Chưa xác định
			160.189.821.013				88.926.163.785	

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Mệnh giá của các cổ phiếu chưa niêm yết, trái phiếu chưa niêm yết, tiền gửi có kỳ hạn và chứng chỉ tiền gửi như sau:

	31/12/2021	31/12/2020
	VND	VND
Danh mục do nhà đầu tư đứng tên		
Trái phiếu chưa niêm yết	45.500.000.000	12.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	7.000.000.000	9.100.000.000
Chứng chỉ tiền gửi	3.000.000.000	14.500.000.000
Danh mục do Công ty đứng tên		
Cổ phiếu chưa niêm yết	-	6.989.250.000
	55.500.000.000	42.589.250.000

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các chứng khoán chưa niêm yết nắm giữ hộ nhà đầu tư ủy thác để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có thông tin về giá thị trường của các chứng khoán này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và Thông tư 125 hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

23. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác

	31/12/2021	31/12/2020
	VND	VND
Danh mục do nhà đầu tư đứng tên		
Phải thu từ phát hành chứng chỉ quỹ	4.962.488.700	1.980.080.700
Lãi phải thu từ chứng chỉ tiền gửi	-	1.163.104.109
Lãi phải thu từ trái phiếu doanh nghiệp	934.719.122	1.079.560.959
Cổ tức phải thu	45.033.600	92.900.000
Lãi phải thu từ tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	33.063.835	60.605.480
	5.975.305.257	4.376.251.248

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

24. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác

	31/12/2021	31/12/2020
	VND	VND
Danh mục do nhà đầu tư đứng tên		
Phí quản lý danh mục đầu tư	382.580.946	152.514.461
Danh mục do Công ty đứng tên		
Phí quản lý danh mục đầu tư	-	356.669.500
Phí lưu ký	-	4.350.286
	382.580.946	513.534.247

25. Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh

Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh thể hiện tổng giá trị dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh bao gồm:

	2021	2020
	VND	VND
Phí tư vấn đầu tư chứng khoán	635.240.647.723	-
Phí quản lý		
▪ Hoạt động quản lý quỹ (i)	225.509.153.178	84.459.585.630
▪ Hoạt động quản lý danh mục đầu tư ủy thác (ii)	1.207.525.162	1.322.159.311
Phí mua lại chứng chỉ quỹ (iii)	15.205.135.986	3.600.205.226
Phí phát hành chứng chỉ quỹ (iii)	589.504.040	1.189.707.964
	877.751.966.089	90.571.658.131

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

- (i) Công ty hiện đang quản lý các quỹ DCDS (trước đây là VFMVF1), DCBC (trước đây là VFMVF4), VFMVFA, DCBF (trước đây là VFMVFB), VFMVSF, DCIP (trước đây là VFMVFC), FUEVFNVD và E1VFN30 là các quỹ đầu tư chứng khoán; VINHAN, PHUCAN và THINHAN là các quỹ hưu trí đều được thành lập tại Việt Nam. Trong đó, quỹ VFMVFA đang trong quá trình giải thể. Thông tin chi tiết về các quỹ này như sau:

Tên viết tắt	Loại hình	Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập	Giá trị tài sản ròng tại ngày 31/12/2021 VND
DCDS	Quỹ mở	▪ Số 05/GCN-UBCK ngày 8 tháng 10 năm 2013 và Số 17/GCN-UBCK ngày 24 tháng 5 năm 2021	1.641.867.480.771
DCBC	Quỹ mở	▪ Số 06/GCN-UBCK ngày 16 tháng 12 năm 2013 và Số 15/GCN-UBCK ngày 24 tháng 5 năm 2021	514.765.619.231
VFMVFA	Quỹ mở	▪ Số 03/UBCK-GCN ngày 18 tháng 4 năm 2013	-
DCBF	Quỹ mở	▪ Số 04/GCN-UBCK ngày 10 tháng 6 năm 2013 và Số 16/GCN-UBCK ngày 24 tháng 5 năm 2021	828.024.035.818
DCIP	Quỹ mở	▪ Số 36/GCN-UBCK ngày 3 tháng 4 năm 2019 và Số 14/GCN-UBCK ngày 24 tháng 5 năm 2021	271.332.225.834
VFMVSF	Quỹ mở	▪ Số 31/GCN-UBCK ngày 02 tháng 3 năm 2018	5.401.131.698.009
E1VFN30	Quỹ hoán đổi danh mục	▪ Số 14/GCN-UBCK ngày 18 tháng 9 năm 2014 và Số 06/GCN-UBCK ngày 28 tháng 4 năm 2021	10.927.736.490.825
FUEVFNVD	Quỹ hoán đổi danh mục	▪ Số 43/GCN-UBCK ngày 22 tháng 4 năm 2020 và Số 13/GCN-UBCK ngày 24 tháng 5 năm 2021	13.791.745.106.578
VINHAN	Quỹ mở	▪ Số 01/GCN-QLQHTBSTN ngày 15 tháng 5 năm 2019 và Thông báo số 047/DCVFM/TB- QHTBSTN ngày 26 tháng 1 năm 2021	16.958.265.847
PHUCAN	Quỹ mở		29.728.062.722
THINHAN	Quỹ mở		23.787.576.462

Công ty được nhận phí quản lý từ các quỹ DCDS, DCBC, DCBF, VFMVSF, DCIP, FUEVFNVD, E1VFN30, VINHAN, PHUCAN và THINHAN như sau:

Quỹ	Phí quản lý
DCDS	1,95% của giá trị tài sản ròng mỗi năm
DCBC	1,93% của giá trị tài sản ròng mỗi năm
DCBF	1,00% của giá trị tài sản ròng mỗi năm (đến ngày 25 tháng 4 năm 2021) 1,20% của giá trị tài sản ròng mỗi năm (từ ngày 26 tháng 4 năm 2021)
VFMVSF	0,75% của giá trị tài sản ròng mỗi năm
DCIP	1,20% của giá trị tài sản ròng mỗi năm
E1VFN30	0,65% của giá trị tài sản ròng mỗi năm
FUEVFNVD	0,80% của giá trị tài sản ròng mỗi năm
VINHAN	1,10% của giá trị tài sản ròng mỗi năm
PHUCAN	1,30% của giá trị tài sản ròng mỗi năm
THINHAN	1,50% của giá trị tài sản ròng mỗi năm

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

- (ii) Công ty đã ký các hợp đồng ủy thác đầu tư với các nhà đầu tư ủy thác, theo đó Công ty được nhận phí quản lý và phí thưởng hoạt động. Phí thưởng hoạt động chỉ được nhận nếu các điều kiện nhất định được nêu trong các hợp đồng đầu tư ủy thác được đáp ứng. Không có khoản phí thưởng hoạt động nào phải thu từ các nhà đầu tư ủy thác cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và 31 tháng 12 năm 2020 vì các điều kiện không được đáp ứng.
- (iii) Công ty cũng được nhận phí từ việc phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ như sau:

Quỹ	Tổng phí phát hành	Tổng phí mua lại
DCDS	0,20% - 0,60% giá trị phát hành (đến ngày 31 tháng 3 năm 2021) 0,00% - 0,60% giá trị phát hành (từ ngày 1 tháng 4 năm 2021 đến ngày 10 tháng 6 năm 2021) 0,00% giá trị phát hành (từ ngày 11 tháng 6 năm 2021)	0,00% - 2,50% giá trị chứng chỉ quỹ
DCBC	0,20% - 0,60% giá trị phát hành (đến ngày 31 tháng 3 năm 2021) 0,00% - 0,60% giá trị phát hành (từ ngày 1 tháng 4 năm 2021 đến ngày 10 tháng 6 năm 2021) 0,00% giá trị phát hành (từ ngày 11 tháng 6 năm 2021)	0,00% - 2,50% giá trị chứng chỉ quỹ
DCBF	0,00% - 0,20% giá trị phát hành (đến ngày 10 tháng 6 năm 2021) 0,00% giá trị phát hành (từ ngày 11 tháng 6 năm 2021)	0,00% - 2,00% giá trị chứng chỉ quỹ
VFMVSF	0,00% - 3,00% giá trị phát hành	0,00% giá trị chứng chỉ quỹ
DCIP	0,00% - 0,20% giá trị phát hành (đến ngày 30 tháng 4 năm 2021) 0,00% giá trị phát hành (từ ngày 1 tháng 5 năm 2021)	0,00% - 2,00% giá trị chứng chỉ quỹ (đến ngày 30 tháng 4 năm 2021) 0,30% - 1,00% giá trị chứng chỉ quỹ (từ ngày 1 tháng 5 năm 2021 đến ngày 5 tháng 8 năm 2021) 0,10% - 0,30% giá trị chứng chỉ quỹ (từ ngày 6 tháng 8 năm 2021)
E1VFN30	0,00% giá trị phát hành	0,00% - 0,15% giá trị chứng chỉ quỹ
FUEVFVND	0,00% giá trị phát hành	0,00% - 0,15% giá trị chứng chỉ quỹ
VINHAN	1,50% giá trị phát hành (đến ngày 19 tháng 4 năm 2021) 0,00% giá trị phát hành (từ ngày 20 tháng 4 năm 2021)	0,30% giá trị chứng chỉ quỹ

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

Quỹ	Tổng phí phát hành	Tổng phí mua lại
PHUCAN	1,50% giá trị phát hành (đến ngày 19 tháng 4 năm 2021) 0,00% giá trị phát hành (từ ngày 20 tháng 4 năm 2021)	0,30% giá trị chứng chỉ quỹ
THINHAN	1,50% giá trị phát hành (đến ngày 19 tháng 4 năm 2021) 0,00% giá trị phát hành (từ ngày 20 tháng 4 năm 2021)	0,30% giá trị chứng chỉ quỹ

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	2021 VND	2020 VND
Lãi từ trái phiếu	8.669.582.221	13.861.034.614
Lãi tiền gửi ngân hàng và chứng chỉ tiền gửi	4.500.205.651	6.445.483.808
Lãi từ chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.981.372.957	-
Lãi từ thanh lý trái phiếu doanh nghiệp	1.035.092.005	-
Lãi từ bán chứng chỉ tiền gửi	411.399.708	-
Cổ tức được chia	-	345.800.000
	<hr/>	<hr/>
	17.597.652.542	20.652.318.422

27. Chi phí tài chính

	2021 VND	2020 VND
Phí ngân hàng	215.820.756	72.392.091
Lỗ do chênh lệch tỷ giá hối đoái	141.289.374	-
Phí môi giới	16.404.160	-
Lỗ từ bán cổ phiếu chưa niêm yết	-	9.914.178.409
Lỗ từ bán trái phiếu doanh nghiệp	-	4.564.426.888
	<hr/>	<hr/>
	373.514.290	14.550.997.388

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

28. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2021	2020
	VND	VND
Chi phí nhân viên	362.846.935.178	39.422.303.025
Chi phí văn phòng	36.609.974.325	14.399.664.231
Chi phí giới thiệu khách hàng	18.375.620.965	2.715.642.510
Phí chuyên môn	9.118.600.073	1.841.130.462
Chi phí mua thông tin	8.901.941.056	890.929.736
Chi phí nhà ở cho người nước ngoài	6.899.945.785	-
Phí quảng cáo	6.063.243.131	1.791.181.562
Chi phí khấu hao	4.509.391.905	3.499.321.662
Phí quà tặng	3.476.575.143	1.309.196.820
Phí công tác và phí đi lại	1.961.206.266	1.761.996.696
Chi phí giải trí	1.466.137.032	2.900.527.828
Phí huấn luyện và hội thảo	402.710.153	282.643.287
Chi phí khác	3.226.601.769	84.135.333
	463.858.882.781	70.898.673.152

29. Thu nhập khác

	2021	2020
	VND	VND
Phí đại diện	320.006.803	231.525.000
Thu từ thanh lý tài sản cố định	3.000.000	400.000.000
Tiền phạt thu được từ bên đối tác	-	2.369.000.000
	323.006.803	3.000.525.000

30. Chi phí khác

	2021	2020
Chi ủng hộ và tài trợ liên quan đến phòng chống dịch Covid-19	117.128.836.090	-
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	93.236.111	-
	117.222.072.201	-

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

31. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2021 VND	2020 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Năm hiện hành	93.955.588.709	3.371.245.328
(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	(29.880.809.740)	1.119.302.189
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	64.074.778.969	4.490.547.517

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2021 VND	2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	314.218.156.162	28.774.831.013
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	62.843.631.232	5.754.966.203
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.231.147.737	330.460.835
Thu nhập được miễn thuế - cổ tức	-	(69.160.000)
Ưu đãi thuế (*)	-	(1.445.653.124)
Biến động của chênh lệch tạm thời chưa được ghi nhận	-	(80.066.397)
	64.074.778.969	4.490.547.517

(*) Theo quy định tại Nghị định số 114/2020/NĐ-CP, doanh nghiệp có tổng doanh thu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 dưới 200 tỷ VND được giảm 30% số thuế thu nhập phải nộp cho năm 2020.

(c) Thuế suất áp dụng

Theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ phải nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
 (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

	Tinh chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Số dư tại ngày	
		2021 VND	2020 VND	31/12/2021 VND	31/12/2020 VND
Các quỹ do Công ty quản lý					
▪ DCDS	Phí quản lý Phí phát hành Phí mua lại	17.894.876.572 329.888.382 7.430.859.808	11.623.445.526 187.739.481 346.341.782	2.634.500.628 1.479.474.553 20.031.776	850.637.160 74.383.005 20.031.776
▪ DCBC	Phí quản lý Phí phát hành Phí mua lại	8.419.706.513 83.701.582 2.604.961.001	9.082.914.539 222.868.174 1.084.691.790	804.713.601 220.108.983	745.943.764 26.266.000 219.235.180
▪ DCBF	Phí quản lý Phí phát hành Phí mua lại	10.246.262.616 58.892.076 4.673.425.082	6.964.731.802 321.770.309 1.692.629.474	880.754.411 587.635.416	752.122.398 23.287.199 133.271.965
▪ DCIP	Phí quản lý Phí phát hành Phí mua lại	1.833.422.362 22.000 57.820.009	236.138.962 1.330.000 466.593.477	276.840.716 5.382.162 -	(241.722.130) 2.000 5.164.742
▪ E1VFN30	Phí quản lý	61.669.857.325	39.037.447.927	5.878.807.231	3.919.072.787
▪ VFMVSF	Phí quản lý Phí phát hành	32.598.976.229 117.000.000	6.792.246.698 456.000.000	3.390.192.577 -	1.624.754.218 150.000.000
▪ FUEVFNVD	Phí quản lý Phí mua lại	92.637.743.009 -	10.722.660.176 9.948.703	9.181.043.402 -	2.974.769.149 -
▪ THINHAN	Phí quản lý	68.304.802	-	20.942.669	-
▪ PHUCAN	Phí quản lý	90.765.945	-	22.316.506	-
▪ VINHAN	Phí quản lý	49.237.805	-	10.070.086	-

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

33. Lãi trên cổ phiếu

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được tính dựa trên lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 250.143.377.193 VND (2020: 24.284.283.496 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 24.892.960 cổ phiếu (2020: 21.477.203 cổ phiếu), chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2021	2020
	VND	VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	250.143.377.193	24.284.283.496

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2021	2020
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	21.477.203	21.477.203
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phát hành trong năm	3.415.757	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong năm	24.892.960	21.477.203

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2021	2020
	VND	VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	10.049	1.131

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Tại ngày báo cáo, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng do vậy việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

34. Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

(a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản phải thu.

(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	31/12/2021 VND	31/12/2020 VND
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	(ii)	101.854.916.001	117.181.415.833
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	(iii)	52.703.687.865	25.786.343.318
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	(iii)	97.390.013.769	130.000.000.000
Phải thu từ hoạt động nghiệp vụ	(iv)	121.170.066.162	12.028.125.304
Phải thu ngắn hạn khác	(iv)	4.965.623.101	4.088.389.039
Phải thu dài hạn khác	(iv)	5.694.597.868	1.106.223.200
Tài sản dài hạn khác	(v)	10.000.000.000	10.000.000.000
		393.778.904.766	300.190.496.694

(ii) Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

(iii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu doanh nghiệp do các tổ chức uy tín phát hành. Ban Giám đốc không nhận thấy bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu doanh nghiệp này và tin rằng các tổ chức này sẽ không vỡ nợ và gây tổn thất cho Công ty.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(iv) Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động nghiệp vụ và phải thu khác

Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động nghiệp vụ và phải thu khác chủ yếu bao gồm phải thu từ bán chứng khoán, phải thu hoạt động quản lý quỹ, và phải thu lãi từ tiền gửi có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu doanh nghiệp. Rủi ro tín dụng liên quan đến các khoản phải thu từ hoạt động quản lý quỹ được xem là rất thấp do các khoản phải thu này là phải thu từ các quỹ thuộc quản lý của Công ty. Các khoản phải thu từ bán chứng khoán phản ánh các giao dịch bán chứng khoán chờ thanh toán. Rủi ro tín dụng liên quan đến các giao dịch chưa thanh toán được xem là rất thấp do các giao dịch này có thời gian thanh toán ngắn. Ban Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Rủi ro tín dụng tối đa mà Công ty phải chịu bằng với giá trị ghi sổ của các khoản tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu khách hàng, phải thu hoạt động nghiệp vụ và các khoản phải thu khác.

Không có khoản phải thu nào bị quá hạn và bị tổn thất tại các ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020.

(v) Tài sản dài hạn khác

Các tài sản dài hạn khác là được quyền chuyển nhượng từ VFMVF2 theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh số 15 Rủi ro tín dụng được coi là tối đa do Ban Giám đốc đánh giá rằng tài sản này có thể không thu hồi được.

(b) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Các khoản nợ phải trả tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Phải trả người bán	5.762.303.805	5.762.303.805	5.762.303.805
Chi phí phải trả	158.309.299.218	158.309.299.218	158.309.299.218
Phải trả ngắn hạn khác	3.197.163.174	3.197.163.174	3.197.163.174
	167.268.766.197	167.268.766.197	167.268.766.197

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Phải trả người bán	3.650.789.884	3.650.789.884	3.650.789.884
Chi phí phải trả	8.905.250.520	8.905.250.520	8.905.250.520
Phải trả ngắn hạn khác	2.638.975.603	2.638.975.603	2.638.975.603
	15.195.016.007	15.195.016.007	15.195.016.007

(c) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Công ty sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường.

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2021 VND	31/12/2020 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Tiền gửi ngân hàng	14.354.916.001	3.181.415.833
Các khoản tương đương tiền	87.500.000.000	114.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	150.093.701.634	155.786.343.318

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

(ii) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Rủi ro tỷ giá hối đoái là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các dòng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính thay đổi do biến động tỷ giá hối đoái.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty không bị ảnh hưởng trọng yếu bởi rủi ro tỷ giá hối đoái do các tài sản và nợ phải trả của Công ty chủ yếu có gốc tiền tệ là Đồng Việt Nam cũng là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

(iii) Rủi ro giá cổ phiếu

Rủi ro giá cổ phiếu là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính sẽ giảm do biến động của chỉ số giá cổ phiếu và giá trị của các chứng khoán đơn lẻ.

Công ty đầu tư vào cổ phiếu không niêm yết. Giá trị của các cổ phiếu này sẽ bị ảnh hưởng bởi rủi ro giá thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. Công ty quản lý rủi ro giá cổ phiếu bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức quy định.



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(d) Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính

Giá trị hợp lý là giá trị có thể nhận được khi bán một tài sản hoặc chuyển nhượng một khoản nợ phải trả tại thời điểm xác định giá trị.

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	31/12/2021		31/12/2020	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Tài sản tài chính				
<i>Được phân loại là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>				
▪ Chứng chỉ tiền gửi	103.119.343.404	103.119.343.404	30.000.000.000	30.000.000.000
▪ Trái phiếu doanh nghiệp	46.974.358.230	46.974.358.230	125.786.343.318	125.786.343.318
<i>Được phân loại là tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>				
▪ Chứng khoán kinh doanh ngắn hạn	444.655.640.000	463.449.237.317	15.655.640.000	17.690.400.000
<i>Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:</i>				
▪ Tiền và các khoản tương đương tiền	102.065.506.096	102.065.506.096	117.317.339.520	117.317.339.520
▪ Phải thu từ hoạt động nghiệp vụ	121.170.066.162	121.170.066.162	12.028.125.304	12.028.125.304
▪ Phải thu ngắn hạn khác	4.965.623.101	4.965.623.101	4.088.389.039	4.088.389.039
▪ Phải thu dài hạn khác	5.694.597.868	5.694.597.868	1.106.223.200	1.106.223.200
Nợ phải trả tài chính				
<i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:</i>				
▪ Phải trả người bán	(5.762.303.805)	(5.762.303.805)	(3.650.789.884)	(3.650.789.884)
▪ Chi phí phải trả	(158.309.299.218)	(158.309.299.218)	(8.905.250.520)	(8.905.250.520)
▪ Phải trả ngắn hạn khác	(3.197.163.174)	(3.197.163.174)	(2.638.975.603)	(2.638.975.603)

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Chứng khoán kinh doanh

Đối với chứng khoán niêm yết tại các Sở giao dịch chứng khoán và chứng khoán đăng ký giao dịch (cổ phiếu đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM), giá trị hợp lý là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch, giá trị hợp lý là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của 3 công ty chứng khoán có giao dịch tại ngày gần nhất với ngày kết thúc kỳ kế toán năm nhưng không quá một tháng tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Các công cụ tài chính khác

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính khác của Công ty xấp xỉ giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính này tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020 do thời gian đáo hạn ngắn của các công cụ tài chính này.

Ngày 25 tháng 3 năm 2022

Người lập:

Ông Nguyễn Hữu Tuấn
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Ông Phạm Thanh Dũng
Kế toán trưởng



Ông Beat Schurch
Tổng Giám đốc

